TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **91**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15/9/2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Vũ Thị Tuyến**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Tâm**

2. Ông **Nông Trung Kiên**

- Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Mạnh Hà** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Bà **Phan Thị Thu Phương** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2023/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2023 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023 Quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2023/QĐST - HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Ng đơn: Chị **Lường Thị H -** Sinh năm 1998; Địa chỉ: Bản O, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt);

2. Bị đơn: Anh **Lò Văn L** - Sinh năm 1994; Địa chỉ: Bản H, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/7/2023 và bản tự khai ngày 07/7/2023 Nguyên đơn chị Lường Thị H trình bày:

- *Về hôn nhân*: Chị H và anh L kết hôn với nhau do 2 bên tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 01/11/2016 tại UBND xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn căng thẳng từ tháng 6/2020 cho đến nay. Nguyên nhân là do anh L nghiện ma túy, quan điểm sống bất đồng dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát, cãi nhau.

Anh chị đã được hai bên gia đình khuyên bảo anh L cai nghiện nhưng anh L không cai nghiện được mà ngày càng nghiện nặng hơn. Vì vậy, anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 6/2020 cho đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa. Cho đến nay chị H không còn tình cảm với anh L nữa. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh L.

- *Về con chung:* Chị H và anh L có 02 con chung là Lò Đức Th - sinh ngày 05/7/2017 và Lò Đức Ng - sinh ngày 27/5/2020. Hiện tại các cháu đang ở với chị H, chị H có nguyện vọng được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động, chị H không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Về thu nhập của chị H từ nghề làm ruộng và bán hàng quần áo thuê mỗi tháng được khoảng 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Bản thân chị H có chỗ ở ổn định, còn anh L nghiện ma túy không có nghề nghiệp và thu nhập, vì vậy, chị H đảm bảo có đủ khả năng về thời gian cũng như về điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu.

- *Về quan hệ tài sản và công nợ:* Về tài sản chung của vợ chồng, tài sản riêng của từng người, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Chị H khai không có.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và quá trình xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Đối với Nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70,71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Đối với bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án đã không gửi ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, không tham gia các buổi làm việc khi được thông báo, triệu tập ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, vi phạm quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao hai cháu Lò Đức Th - sinh ngày 05/7/2017 và Lò Đức Ng - sinh ngày 27/5/2020 cho chị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản và công nợ: Về tài sản chung của vợ chồng, tài sản riêng của từng người, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lường Thị H.

** Yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm*: Không;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của Ng đơn tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Lường Thị H và anh Lò Văn L, do anh L cư trú tại Bản Hồng S, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lò Văn L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc giải quyết vụ án nhưng anh L vẫn không đến tham gia phiên tòa. Vì vậy, mà Tòa án đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 07/9/2023 theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự và ấn định mở phiên tòa vào ngày 15/9/2023, nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do. Đối với chị Lường Thị H trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án cho đến phiên tòa ngày 07/9/2023 chị H đều có mặt khi được Tòa án triệu tập. Tuy nhiên, do điều kiện công việc bận nên chị H đã có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa ngày 15/9/2023 và chị H vẫn giữ nguyên toàn bộ ý kiến của chị đã trình bày tại Đơn khởi kiện ngày 06/7/2023 và Bản tự khai ngày 07/7/2023, chị H không có ý kiến bổ sung gì thêm. Xét thấy, sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L, chị H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

**) Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh L là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện được pháp luật công nhận, chị H cho rằng cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc, nguyên nhân là do anh L nghiện ma túy, quan điểm sống bất đồng dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát, cãi nhau. Anh chị đã được hai bên gia đình khuyên bảo anh L cai nghiện nhưng anh L không cai nghiện được mà ngày càng nghiện nặng hơn (được chứng minh tại Biên bản xác

minh ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên tại chính quyền địa phương BL: 32 và Biên bản xác minh tại gia đình bà Lò Thị Yên ngày 27/7/2023 - Mẹ đẻ anh L, BL: 33). Mặt khác, trong đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa chị H khẳng định chị không còn tình cảm với anh L nữa nên anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 6/2020 cho đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa. Vì vậy, chị H tha thiết có nguyện vọng xin được ly hôn với anh L.

Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án anh L không trả lời thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và cũng không đến tham gia phiên hòa giải để trình bày quan điểm của mình, điều đó đã thể hiện anh L chưa thực sự có thiện chí đoàn tụ. Tại Biên bản xác minh ngày 27/7/2023 bà Lò Thị Y mẹ đẻ anh L cho biết anh L cũng đồng ý ly hôn, mặt khác anh chị đã sống ly thân với nhau từ đầu tháng 6/2020 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa.Vì vậy, không có căn cứ để chứng minh rằng cuộc sống chung của chị H và anh L vẫn hòa thuận, hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị H được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

**) Về con chung:* Chị H và anh L có 02 con chung là Lò Đức Th - sinh ngày 05/7/2017 và Lò Đức Ng - sinh ngày 27/5/2020, hiện tại các cháu đang ở với chị H tại Bản O, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Chị H có nguyện vọng được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động, chị H không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án anh L không có ý kiến gì về việc nuôi con chung, nhưng xét về mặt thực tế hiện tại cháu Th và cháu Ng đang ở với chị H kể từ khi anh chị sống ly thân với nhau, còn anh L đi làm xa nhà thỉnh thoảng mới về nên không có điều kiện về thời gian để nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu. Mặt khác, theo như bà Y mẹ đẻ anh L cho biết anh L cũng nhất trí cho chị H được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu (được thể hiện tại Biên bản xác minh ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên tại chính quyền địa phương BL: 32 và Biên bản xác minh tại gia đình bà Lò Thị Y ngày 27/7/2023 - Mẹ đẻ anh L, BL: 33). Tại bản tự khai ngày 07/7/2023 chị H khai thu nhập của chị từ nghề làm ruộng và bán hàng quần áo thuê mỗi tháng được khoảng 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, chị H có chỗ ở ổn định, còn anh L nghiện ma túy không có nghề nghiệp và thu nhập, vì vậy, chị H đảm bảo có đủ khả năng về thời gian cũng như về điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu. Vì vậy, để đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho cháu Th và cháu Ng, Tòa án cần giao cháu Th và cháu Ng cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- *Về quan hệ tài sản và công nợ:* Trong quá trình giải quyết vụ án chị H khai: Về tài sản chung của vợ chồng, tài sản riêng của từng người, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có. Vì vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

*) *Về án phí*: Chị Lường Thị H là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm. Do vậy miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lường Thị H theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56, 69, 70, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Về hôn nhân: Cho chị Lường Thị H được ly hôn với anh Lò Văn L.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Lò Đức Th - sinh ngày 05/7/2017 và Lò Đức Ng - sinh ngày 27/5/2020 cho chị Lường Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh L có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, các thành viên trong gia đình chị H không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của anh L.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về quan hệ tài sản và công nợ: Về tài sản chung của vợ chồng, tài sản riêng của từng người, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

4. Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lường Thị H là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm. Do vậy miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lường Thị H.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự chị H và anh L đều vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Điện Biên;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- UBND xã Sam Mứn, huyện ĐB;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện ĐB;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

Vũ Thị Tuyến